

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2018/DS-PT
Ngày 20-11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLDS-PT ngày 05/9/2018 về Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2018/QĐ-PT ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Hồ Quang Th**, sinh năm 1964.

Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 107 thôn Đ, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 56 đường P, TT D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018).

Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1975.

Bà **Nguyễn Thị Hồng S (G)**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 17 thôn X, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Thế H, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 47 đường H, tổ 13, TT D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: ông **Nguyễn Hữu S**, bà **Nguyễn Thị Hồng S** – Bị đơn.

(Ông H vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm.

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Trần Thị M, ông Hồ Quang Th và người đại diện là ông Đinh Văn S có nội dung:

Do vợ chồng bà S, ông S vay tiền của vợ chồng bà M, ông Th nhưng không thanh toán đúng hạn. Vì vậy ông Th có nhờ ông Bùi Thế H đứng ra dàn xếp để giải quyết khoản tiền bà S còn nợ. Ngày 10/02/2017 hai bên cùng ký văn bản “Hợp đồng vay tiền” xác nhận vợ chồng bà S đã giao số tài sản trị giá 1.150.000.000 đồng để trừ nợ nên số nợ còn lại là 485.000.000 đồng, hạn cuối năm 2017 sẽ thanh toán. Cùng ngày 10/02/2017, vợ chồng bà S ký giấy cam kết nhờ ông Bùi Thế H thu nợ giúp một số khoản tiền người khác nợ vợ chồng bà S để trả cho vợ chồng bà M, nếu ông H lấy được tiền mà không trả cho vợ chồng bà M thì vợ chồng bà S chịu trách nhiệm. Sau đó ông H thu được 300.000.000 đồng giúp cho vợ chồng bà S nhưng không giao số tiền này cho vợ chồng bà M mà đòi trừ vào tiền công. Mặc dù khi ông Th nhờ ông H dàn xếp để giải quyết nợ không thỏa thuận nhưng nay ông H lại yêu cầu trả công, vợ chồng bà M đồng ý trả tiền công cho ông H là 220.000.000 đồng và trừ số tiền này vào số tiền 300.000.000 đồng ông H đã thu nợ giúp cho vợ chồng bà S, yêu cầu vợ chồng bà S trả số nợ còn lại là 265.000.000 đồng cùng tiền lãi mức 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 27/7/2018 là 13.581.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh gồm: văn bản “Hợp đồng vay tiền” ghi ngày 10/02/2017 và văn bản “Giấy thỏa thuận” ghi ngày 10/02/2017, các hợp đồng thuê nhà ghi ngày 01/02/2018 và ngày 26/12/2018.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Vợ chồng bà S có vay tiền của vợ chồng bà M để cho người khác vay lại, do không thu được nợ để trả cho vợ chồng bà M nên vợ chồng phải giao một số tài sản để trừ nợ. Ngày 10/02/2017, vợ chồng bà S có ký văn bản “Hợp đồng vay tiền” xác nhận còn nợ vợ chồng bà M 485.000.000 đồng, hạn cuối năm 2017 sẽ thanh toán là đúng. Do thấy ông H là người có uy tín nên vợ chồng bà S ký “Giấy thỏa thuận” ngày 10/02/2017, nhờ ông Bùi Thế H thu nợ giúp để trả cho vợ chồng bà M và được vợ chồng bà M chấp nhận. Ngày 23/12/2017 ông H thu được 300.000.000 đồng nhưng không giao cho vợ chồng bà S để trả cho vợ chồng bà M, mà ông H viết vào “Giấy thỏa thuận” ngày 10/02/2017 nội dung: ông H đã nhận của vợ chồng bà S 300.000.000 đồng giúp cho vợ chồng bà M theo thỏa thuận ngày 10/02/2017, số còn lại 185.000.000 đồng bà S sẽ trả vào năm sau. Vì vậy, vợ chồng bà S chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà M số tiền còn lại là 185.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Chứng cứ chứng minh: văn bản “Giấy thỏa thuận” ghi ngày 10/02/2017.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế H trình bày:

Do quen biết nên ông Th có nhờ anh thu giúp khoản tiền vợ chồng bà S còn nợ của vợ chồng ông Th, bà M và hứa trả công 20% số tiền thu được. Sau đó ông H đã thuyết phục vợ chồng bà S giao số tài sản trị giá 1.770.000.000 đồng cho vợ chồng bà M để trừ nợ. Sau đó vợ chồng bà S thống nhất còn nợ vợ chồng bà M 485.000.000 đồng và lập văn bản nhờ ông H thu giúp nợ để tiếp tục trả cho vợ chồng bà M. Thực hiện thỏa thuận, ông H đã thu giúp cho vợ chồng bà S được 300.000.000 đồng vào ngày 29/12/2017, nhưng do vợ chồng ông Th, bà M chưa trả tiền công cho ông H, nên ông H không giao số tiền 300.000.000 đồng thu được cho vợ chồng bà M mà trừ vào tiền công mà vợ chồng bà M phải thanh toán cho ông H theo thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không Th.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện D đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Trần Thị M, ông Hồ Quang Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng S, ông Nguyễn Hữu S trả cho vợ chồng bà Trần Thị M, ông Hồ Quang Th số tiền vay 265.000.000 đồng và 13.581.000 đồng nợ lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/8/2018 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất với nhau bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 265.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, do tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay 265.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc vợ chồng bà M, ông Th có cho vợ chồng ông Sang, bà S vay tiền nhưng vợ chồng ông Sang, bà S không thanh toán đúng hạn nên vợ chồng ông Sang, bà S nhờ ông H đứng ra thu nợ của người khác

và trả cho vợ chồng bà M, ông Th. Sau đó ông H thu nợ nhưng không trả cho vợ chồng bà M, ông Th nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận với nhau bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 265.000.000 đồng, xét sự thỏa thuận của các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên công nhận.

Đối với khoản tiền chênh lệch 80.000.000 đồng vợ chồng bà S không khởi kiện đòi ông H nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Sau này vợ chồng bà S có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Từ những phân tích trên, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Do sửa án nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng S, ông Nguyễn Hữu S phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị M, ông Hồ Quang Th số tiền vay 265.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 13.250.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009158 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Ông Sang, bà S còn phải nộp 12.950.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện D (02);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

